Phụ lục 4b: BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC TƯ VẤN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CỦA CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ KHU VỰC MIỀN TRUNG - TÂY NGUYÊN

TT	Nội dung	Năm 2022						Năm 2023				Tỷ lệ (%)	
		Kế hoạch năm		Thực hiện 9 tháng		Thực hiện cả năm		Kế hoạch năm		Thực hiện 9 tháng		So với doanh thu cùng kỳ	So với doanh thu kế hoạch năm
		Số dự án	Doanh thu (Tr.đồng)	Số dự án	Doanh thu (Tr.đồng)	Số dự án	Doanh thu (Tr.đồng)	Số dự án	Doanh thu (Tr.đồng)	Số dự án	Doanh thu (Tr.đồng)		
A	**B**	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	***11=10/4***	***13=10/8***
	Tổng cộng	**188**	**11.632**	**83**	**7.563**	**156**	**11.176**	**138**	**8.150**	**80**	**8.017**	**106**	**98**
1	Quảng Bình	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Quảng Trị	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Thừa Thiên Huế	43	2.386	22	987	43	2.192	36	1.000	17	4.973	504,02	497,31
4	Quảng Nam	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Đà Nẵng	1	63	1	63	1	63					-	-
6	Quảng Ngãi	6	500	6	566	8	841	6	500	3	322	56,92	64,38
7	Bình Định	18	791	9	206	12	541	11	650	8	492	238,83	75,69
8	Phú Yên	80	2.500	29	1.592	56	3.037	50	2.500	36	700	43,97	28,00
9	Khánh Hòa	16	192	-	-	16	192	15	190	-	-	-	-
10	Đắk Lắk	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Đắk Nông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	Gia Lai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
13	Kon Tum	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
14	Lâm Đồng	24	5.200	16	4.150	20	4.310	20	3.310	16	1.530	36,87	46,22
15	Ninh Thuận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-